Vietnam Journal of Community Medicine, Vol. 67, Special Issue 3, 266-271

KNOWLEDGE, ATTITUDES TOWARD CONTRACEPTION AND SEXUALLY TRANSMITTED DISEASES AMONG STUDENTS AT TAN LAP HIGH SCHOOL, HA NOI CITY IN 2023

Nguyen Qui Huy[1*], Nguyen Thi Phuong Oanh[1], Trinh Thi Thanh Mai[1], Nguyen Phan Anh Quan[2], Khuat Minh Loc[3], Khuong Thi Tra My[4], Do Thuy Dung[5]

[1]Hanoi Medical University – 1, Ton That Tung, Kim Lien ward, Hanoi, Vietnam
[2]Mirai Healcare Clinic - Building 901, Starlake Tay Ho Tay, Xuan Dinh Ward, Hanoi, Vietnam
[3]Ba Dinh Medical Station – 101 Quan Thanh, Ba Dinh Ward, Hanoi, Vietnam
[4]Phenikaa University Hospital – Group 5 Hoe Thi, Xuan Phuong Ward, Hanoi, Vietnam
[5]Hoan Kiem Medical Station – 47 Hang Bo, Hoan Kiem Ward, Hanoi, Vietnam

Received: 05/02/2026
Reviced: 05/03/2026; Accepted: 27/03/2026

ABSTRACT

Objective: To describe the knowledge and attitudes regarding contraception and sexually transmitted infections (STIs) among high school students at Tan Lap High School, Hanoi, Vietnam.

Methods: A cross-sectional descriptive study was conducted among 391 students at Tan Lap High School, Hanoi, in 2023, using a structured self-administered questionnaire. Knowledge and attitudes were assessed using scoring scales and categorized based on a 70% cutoff.

Results: A total of 85.9% of students had heard about contraception and STIs. However, only 7.2% correctly identified the fertile window in the menstrual cycle and 50.9% correctly recognized that pregnancy can occur after first sexual intercourse. The proportion of students with adequate knowledge was 47.6%. Regarding attitudes, 83.6% demonstrated positive attitudes. However, a considerable proportion still reported neutral responses on several key items.

Conclusions: Students' knowledge of contraception and STIs remains limited, while attitudes are generally positive. A gap persists between having heard of the topics and having accurate understanding and attitudes are not sufficiently well-defined in some areas. Therefore, strengthening sexual and reproductive health education is necessary, with a focus on fundamental reproductive knowledge, particularly the timing of the fertile window.

Keywords: Contraception, sexually transmitted infections, high school students, adolescents.

*Corresponding author
Email: nguyenquyhuy26091999@gmail.com **Phone**: (+84) 358198899 **Http**s://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD3.4753

KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VỀ PHÒNG TRÁNH THAI VÀ CÁC BỆNH LÂY TRUYỀN QUA ĐƯỜNG TÌNH DỤC CỦA HỌC SINH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TÂN LẬP, THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2023

Nguyễn Quí Huy[1]*, Nguyễn Thị Phương Oanh[1], Trịnh Thị Thanh Mai[1], Nguyễn Phan Anh Quân[2], Khuất Minh Lộc[3], Khương Thị Trà My[4], Đỗ Thùy Dung[5]

[1]Trường Đại học Y Hà Nội – 1 Tôn Thất Tùng, phường Kim Liên, Hà Nội, Việt Nam
[2]Phòng khám Đa khoa Mirai – Tòa 901, Starlake Tây Hồ Tây, phường Xuân Đỉnh, Hà Nội, Việt Nam
[3]Trạm Y tế phường Ba Đình – 101 Quán Thánh, phường Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
[4]Bệnh viện Đại học Phenikaa – Tổ 5 Hòe Thị, phường Xuân Phương, Hà Nội, Việt Nam
[5]Trạm Y tế phường Hoàn Kiếm – 47 Hàng Bồ, phường Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 05/02/2026
Ngày chỉnh sửa: 05/03/2026; Ngày duyệt đăng: 27/03/2026

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng kiến thức, thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh trường Trung học phổ thông Tân Lập, Thành phố Hà Nội.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 391 học sinh tại trường Trung học phổ thông Tân Lập, Hà Nội năm 2023, sử dụng bộ câu hỏi cấu trúc tự điền. Kiến thức và thái độ được đánh giá theo thang điểm và phân loại theo ngưỡng 70%.

Kết quả: Có 85,9% học sinh đã từng nghe về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Tuy nhiên, chỉ 7,2% xác định đúng thời điểm dễ mang thai trong chu kỳ kinh nguyệt và 50,9% nhận thức đúng về khả năng mang thai ngay từ lần quan hệ tình dục đầu tiên. Tỷ lệ học sinh đạt mức kiến thức tốt là 47,6%. Về thái độ, có 83,6% học sinh có thái độ tích cực, tuy nhiên vẫn tồn tại tỷ lệ đáng kể lựa chọn trung lập ở một số nội dung quan trọng.

Kết luận: Kiến thức về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh còn hạn chế, trong khi thái độ tương đối tích cực. Kết quả cho thấy còn khoảng cách giữa việc đã từng nghe và hiểu đúng, đồng thời thái độ chưa thực sự rõ ràng ở một số nội dung. Do đó, cần tăng cường giáo dục sức khỏe sinh sản, tập trung vào các nội dung sinh sản cơ bản, đặc biệt là thời điểm dễ mang thai.

Từ khóa: Tránh thai, bệnh lây truyền qua đường tình dục, học sinh trung học phổ thông, vị thành niên.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Mang thai ngoài ý muốn và mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD) hiện đang là những vấn đề sức khỏe sinh sản đáng quan tâm ở lứa tuổi vị thành niên. Trên phạm vi toàn cầu, mỗi năm ước tính có khoảng 21 triệu nữ vị thành niên trong độ tuổi từ 15 đến 19 tuổi sinh con, đồng thời ghi nhận khoảng 2 đến 4,4 triệu trường hợp phá thai ở nhóm tuổi này [1]. Tại Việt Nam, mặc dù tỷ lệ phá thai chung có xu hướng giảm trong những năm gần đây, nhưng tỷ lệ phá thai ở trẻ vị thành niên vẫn còn ở mức cao, chiếm trên 20% tổng số ca phá thai [2].

Bên cạnh đó, tỷ lệ mắc các BLTQĐTD có xu hướng gia tăng nhanh, đặc biệt ở nhóm tuổi thanh thiếu niên và chiếm hơn một nửa số ca mắc mới mỗi năm. Trong vòng 10 năm qua, tỷ lệ mắc các BLTQĐTD gia tăng đáng kể, lên tới 17,3% vào năm 2017, dẫn đến gánh nặng khoảng 28.654 năm sống mất đi vì bệnh tật [3]. Những vấn đề này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của vị thành niên mà còn tác động tiêu cực đến học tập, tâm lý và tương lai của các em.

Phòng tránh thai và các BLTQĐTD là những biện pháp then chốt nhằm hạn chế mang thai ngoài ý muốn và giảm nguy cơ mắc bệnh ở lứa tuổi học sinh. Một số nghiên cứu trong nước và quốc tế cho thấy tỷ lệ học sinh trung học phổ thông (THPT) có kiến thức đạt về tình dục an toàn, phòng tránh thai và các BLTQĐTD còn hạn chế và chưa đồng đều, dao động trong khoảng từ 39% đến 66,7% [4–6]. Hiện nay, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá cụ thể vấn đề này tại trường Trung học phổ thông Tân Lập. Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá kiến thức và thái độ của học sinh về phòng tránh thai và các BLTQĐTD, làm cơ sở đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp trong nhà trường.

*Tác giả liên hệ
Email: nguyenquyhuy26091999@gmail.com **Điện thoại**: (+84) 358198899 **Http**s://doi.org/10.52163/yhc.v67iCD3.4753

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Đối tượng nghiên cứu: Học sinh khối 10, 11 và 12 đang học tại trường Trung học phổ thông (THPT) Tân Lập, huyện Đan Phượng (nay thuộc xã Ô Diên), thành phố Hà Nội.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Học sinh có mặt tại thời điểm khảo sát và đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Học sinh không thể tham gia do hạn chế giao tiếp hoặc không thể tự trả lời và hoàn thành dưới 80% bộ câu hỏi.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 12/2022 - 05/2023.

Thời điểm thu thập số liệu: Tháng 02/2023.

Địa điểm nghiên cứu: Trường THPT Tân Lập, thành phố Hà Nội.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và chọn mẫu

Cỡ mẫu: Sử dụng công thức tính cỡ mẫu ước lượng tỉ lệ cho nghiên cứu mô tả cắt ngang:

$$n = Z^2_{1-\alpha/2} \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n là cỡ mẫu nghiên cứu

$Z_{1-\alpha/2}$: hệ số giới hạn tin cậy (với α = 0,05)

d là sai số cho phép, chọn d = 0,05

p là tỷ lệ ước lượng trong các nghiên cứu đã được công bố, chọn *p* = 0,53 theo nghiên cứu của Phạm Thị Ngọc và cộng sự tại Trường THPT Phan Đăng Lưu, Hải Phòng năm 2019 [5].

Tính toán được cỡ mẫu tối thiểu là 382 học sinh. Cỡ mẫu thực tế là 391 học sinh.

Cách chọn mẫu: Phương pháp chọn mẫu nhiều giai đoạn. Giai đoạn 1, chọn toàn bộ 3 khối lớp 10, 11 và 12. Ở giai đoạn 2, mỗi khối lựa chọn ngẫu nhiên 3 lớp bằng phương pháp bốc thăm, tổng cộng 9 lớp. Ở giai đoạn 3, lấy toàn bộ bộ sinh học của các lớp được chọn vào nghiên cứu.

2.5. Phương pháp thu thập số liệu và biến số

Số liệu được thu thập bằng bộ câu hỏi có cấu trúc tự điền ẩn danh. Học sinh hoàn thành phiếu khảo sát tại lớp dưới sự hướng dẫn của điều tra viên đã được tập huấn, nhằm đảm bảo tính riêng tư, khuyến khích đối tượng trả lời trung thực từ đó giảm thiểu thiên lệch xã hội mong đợi.

Bộ câu hỏi được xây dựng và chỉnh sửa phù hợp với mục tiêu nghiên cứu dựa trên nghiên cứu của tác giả Hồ Thị Hà [6]. Nội dung công cụ đảm bảo tính giá trị nội dung thông qua tham khảo tài liệu chuyên môn và ý kiến chuyên gia trong lĩnh vực y tế công cộng và sản phụ khoa. Độ tin cậy nội tại của thang đo được đánh giá bằng hệ số Cronbach's alpha. Thang đo kiến thức đạt α = 0,94 và thang đo thái độ đạt α = 0,83.

Trước khi triển khai, bộ câu hỏi được thử nghiệm trên 40 học sinh ngoài mẫu nghiên cứu nhằm đánh giá tính rõ ràng, khả năng hiểu câu hỏi và thời gian hoàn thành phiếu khảo sát.

Biến số nghiên cứu bao gồm:

- Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (4 câu hỏi từ A1 - A4)
- Kiến thức về phòng tránh thai và các BLTQĐTD (11 câu hỏi từ B1 - B11)
- Thái độ về phòng tránh thai và các BLTQĐTD (6 câu hỏi từ C1 - C6)

Tiêu chuẩn đánh giá: Đối với kiến thức, mỗi ý trả lời đúng được chấm 1 điểm, tổng điểm tối đa của phần kiến thức là 33 điểm. Thái độ được đánh giá bằng thang đo Likert 5 mức, với điểm số từ 1 đến 5 cho mỗi câu hỏi, tổng điểm tối đa là 30 điểm. Dựa trên nghiên cứu của Hồ Thị Hà, ngưỡng phân loại được xác định là 70% tổng điểm. Theo đó, kiến thức được đánh giá là tốt khi tổng điểm ≥ 23 và thái độ được đánh giá là tích cực khi tổng điểm ≥ 21 [6].

2.6. Xử lí và phân tích số liệu

Số liệu được làm sạch và nhập bằng phần mềm KoboToolbox, phân tích bằng STATA 16.0. Thống kê mô tả được trình bày thông qua giá trị trung bình, độ lệch chuẩn, tần suất và tỷ lệ phần trăm. Các biến kiến thức và thái độ được tổng hợp theo thang điểm và phân loại theo điểm cắt 70%.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu y học, đã được phê duyệt bởi hội đồng Thông qua đề cương Khóa luận tốt nghiệp Trường Đại học Y Hà Nội, đồng thời chấp thuận bởi Ban giám hiệu trường THPT. Học sinh tham gia tự nguyện sau khi được giải thích đầy đủ về mục tiêu và nội dung nghiên cứu, sự đồng thuận của phụ huynh hay người giám hộ được thực hiện theo quy định đối với đối tượng vị thành niên. Thông tin thu thập được đảm bảo bảo mật và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (n = 391)

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Tuổi	$\bar{X}$ ± SD	16,9 ± 0,8	
Giới tính	Nam	182	46,6
	Nữ	209	53,4
Khối lớp	Lớp 10	143	36,6
	Lớp 11	128	32,7
	Lớp 12	120	30,7
Kết quả học tập	Giỏi	239	61,1
	Khá	146	37,4
	Trung bình	2	0,5
	Dưới trung bình	4	1,0

Nhận xét: Tổng số học sinh Trường THPT Tân Lập tham gia nghiên cứu là 391 em với tuổi trung bình là 16,9 ± 0,8. Trong đó, nữ sinh nhiều hơn nam sinh (53,4%) và học sinh phân bố tương đối đồng đều giữa các khối lớp. Phần lớn học sinh có học lực giỏi (61,1%) và khá (37,4%).

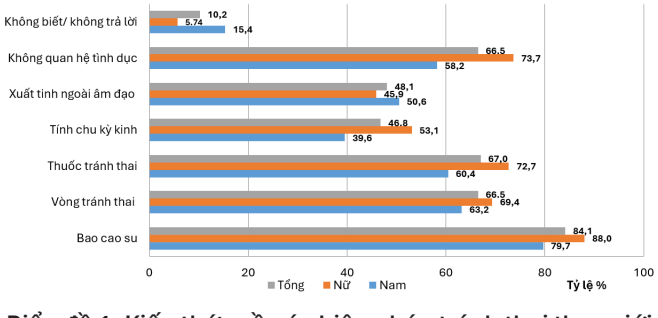
3.2. Kiến thức về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Bảng 2. Kiến thức về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (n = 391)

Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đã nghe về phòng tránh thai và các BLTQĐTD	336	85,9
Hiểu đúng quan hệ tình dục an toàn*	242	72,0
Biết hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn*	318	94,6
Biết có thể có thai khi QHTD lần đầu	199	50,9
Thời điểm dễ có thai trong chu kỳ kinh nguyệt	28	7,2
Biết nguyên nhân có thai ngoài ý muốn	333	85,2
Biết ảnh hưởng của việc có thai ngoài ý muốn	348	89,0
Biết biểu hiện của BLTQĐTD	283	72,4
Biết cách phòng ngừa BLTQĐTD	353	90,3

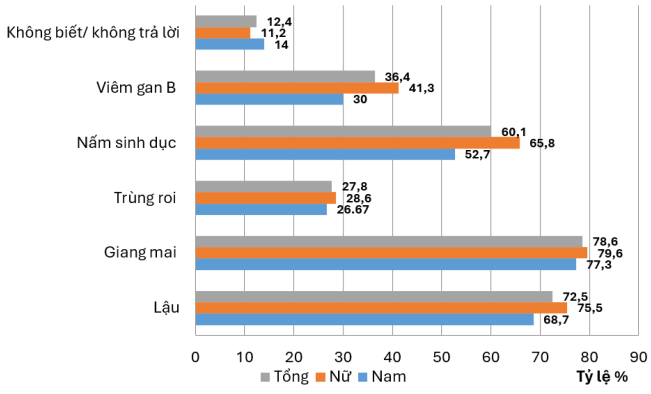
**Tính trên nhóm đã nghe về quan hệ tình dục an toàn (n = 336)*

Nhận xét: Có 85,9% học sinh đã nghe nói về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD). Tỷ lệ học sinh hiểu đúng về quan hệ tình dục (QHTD) an toàn đạt 72,0% trong nhóm đã từng nghe nói đến nội dung này. Phần lớn học sinh biết hậu quả của QHTD không an toàn (94,6%), nguyên nhân (85,2%) và ảnh hưởng của mang thai ngoài ý muốn (89,0%). Tuy nhiên, chỉ có 50,9% học sinh biết rằng bạn nữ có thể mang thai ngay từ lần QHTD đầu tiên và tỷ lệ xác định đúng thời điểm dễ mang thai nhất trong chu kỳ kinh nguyệt rất thấp (7,2%). Đối với các BLTQĐTD, 72,4% học sinh biết biểu hiện của bệnh và 90,3% biết cách phòng ngừa.



Biểu đồ 1. Kiến thức về các biện pháp tránh thai theo giới (n=391)

Nhận xét: Bao cao su là biện pháp tránh thai được học sinh biết đến nhiều nhất (84,1%), tiếp theo là thuốc tránh thai (67,0%), vòng tránh thai (66,5%) và không quan hệ tình dục (66,5%). Các biện pháp ít được biết đến hơn gồm xuất tinh ngoài âm đạo (48,1%) và tính chu kỳ kinh nguyệt (46,8%). Bên cạnh đó, có 10,2% học sinh không biết hoặc không trả lời về bất kỳ biện pháp tránh thai nào.



Biểu đồ 3.2. Kiến thức về các bệnh lây truyền qua đường tình dục (n=391)

Nhận xét: Trong các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD), giang mai được học sinh biết đến nhiều nhất (78,6%), tiếp theo là lậu (72,5%) và nấm sinh dục (60,1%). Viêm gan B được biết đến với tỷ lệ 36,4%. Bệnh ít được học sinh biết đến nhất là nhiễm trùng roi (27,8%). Vẫn còn 12,4% học sinh không biết hoặc không trả lời về bất kỳ BLTQĐTD nào.

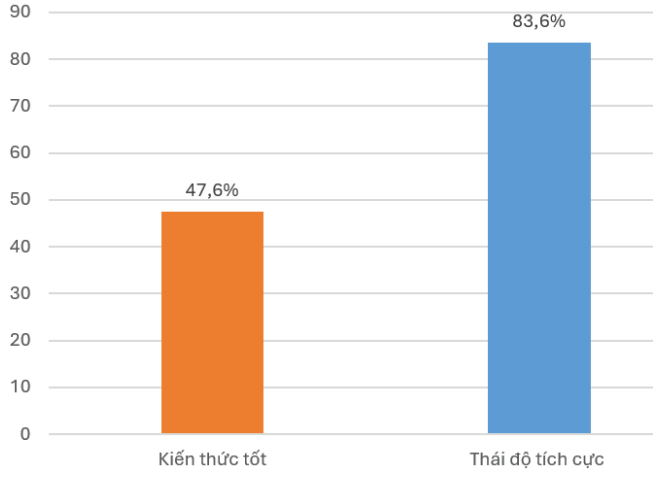
3.3. Thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Bảng 3. Thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (n=391)

Nội dung	Rất đồng ý SL (%)	Đồng ý SL (%)	Bình thường SL (%)	Không đồng ý SL (%)	Phản đối SL (%)
Cần thường xuyên nói chuyện và thảo luận về phòng tránh thai và các BLTQĐTD	66 (16,9)	146 (37,3)	147 (37,6)	29 (7,4)	3 (0,8)
QHTD ở tuổi vị thành niên là chưa phù hợp	106 (27,1)	100 (25,6)	145 (37,1)	29 (7,4)	11 (2,8)
Có thai khi đang đi học là điều chưa phù hợp	172 (44,0)	82 (21,0)	73 (18,7)	28 (7,1)	36 (9,2)
Trang bị bao cao su là điều bình thường	168 (43,0)	116 (29,6)	74 (18,9)	12 (3,1)	21 (5,4)
Trách nhiệm tránh thai thuộc về cả hai giới	229 (58,6)	110 (28,1)	34 (8,7)	7 (1,8)	11 (2,8)
BLTQĐTD cần được phát hiện và điều trị sớm	261 (66,8)	95 (24,3)	27 (6,9)	2 (0,5)	6 (1,5)

Nhận xét: Phần lớn học sinh có thái độ tích cực đối với phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD). Tỷ lệ học sinh đồng ý hoặc rất đồng ý rằng tránh thai là vấn đề của cả hai giới và cần phát hiện, điều trị sớm các BLTQĐTD lần lượt là 86,7% và 91,1%. Tuy nhiên, thái độ đối với quan hệ tình dục ở tuổi vị thành niên và mang thai khi đi học vẫn còn sự phân hóa.

3.4. Đánh giá kiến thức, thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục



Biểu đồ 3. Đánh giá kiến thức và thái độ (n=391)

Nhận xét: Tỷ lệ học sinh có kiến thức tốt về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục đạt 47,6% và có thái độ tích cực đạt 83,6%.

4. BÀN LUẬN

4.1. Kiến thức về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ học sinh đã từng nghe nói đến phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD) tương đối cao (85,9%), tương đồng với nghiên cứu của Hồ Thị Hà thực hiện trên học sinh trung học phổ thông (THPT) tại Nghệ An (81,4%) [6]. Tuy nhiên, kết quả cũng cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa việc đã từng nghe và mức độ hiểu biết đúng về một số nội dung sinh sản cơ bản. Cụ thể, chỉ có 7,2% học sinh xác định đúng thời điểm dễ mang thai trong chu kỳ kinh nguyệt và 50,9% biết rằng bạn nữ có thể mang thai ngay từ lần quan hệ tình dục đầu tiên. Những kết quả này cho thấy việc tiếp cận thông tin chưa đi kèm với hiểu biết đầy đủ về cơ chế sinh lý sinh sản. Tỷ lệ xác định đúng thời điểm thụ thai trong nghiên cứu này tương đương với kết quả của điều tra SAVY2 (7%) [7], trong khi tỷ lệ nhận thức đúng về khả năng mang thai ngay từ lần quan hệ đầu tiên thấp hơn so với SAVY2 (71%) và nghiên cứu của Nguyễn Tuấn Kiên tại Thái Nguyên (65,1%) [1,7]. Sự khác biệt có thể liên quan đến đặc điểm đối tượng nghiên cứu, bối cảnh triển khai và công cụ đo lường. Mặc dù kiến thức về mang thai còn hạn chế, phần lớn học sinh đã biết được hậu quả của quan hệ tình dục không an toàn (94,6%), nguyên nhân (85,2%) và ảnh hưởng của mang thai ngoài ý muốn (89,0%), phản ánh mức độ nhận thức tương đối tốt về hậu quả của vấn đề này.

Đối với các biện pháp tránh thai (BPTT), đa số học sinh (89,8%) biết ít nhất một biện pháp, trong đó bao cao su (84,1%) và thuốc tránh thai (67,0%) là những biện pháp được biết đến nhiều nhất, phù hợp với xu hướng chung được ghi nhận trong các nghiên cứu gần đây tại Việt Nam [6,8]. Các BPTT truyền thống như xuất tinh ngoài âm đạo (48,1%) và tính chu kỳ kinh nguyệt (46,8%) được học sinh biết đến thấp hơn, phản ánh sự khác biệt trong mức độ nhận biết giữa các nhóm BPTT. Tuy nhiên, vẫn còn 10,2% học sinh không biết bất kỳ biện pháp nào, với tỷ lệ không biết cao hơn ở nam sinh (15,4% so với 5,8%). Điều này gợi ý sự khác biệt theo giới trong mức độ nhận biết các BPTT, trong đó nam sinh có thể là nhóm cần được quan tâm hơn.

Có 78% học sinh đã từng nghe nói đến các BLTQĐTD, với tỷ lệ học sinh biết đến những biểu hiện và biện pháp phòng ngừa lần lượt là 72,4% và 90,3%. Trong số các BLTQĐTD, giang mai (78,6%) và lậu (72,5%) là những bệnh được học sinh biết đến nhiều nhất, trong khi viên gan B (36,4%) và nhiễm trùng roi (27,8%) có tỷ lệ nhận biết thấp hơn. Kết quả này cao hơn so với nghiên cứu của Bùi Thị Hằng Hoa tại Ninh Bình, trong đó tỷ lệ học sinh biết đến giang mai, lậu và viêm gan B lần lượt là 71,6%, 57,7% và 26,8% [9]. Đáng chú ý, vẫn còn một tỷ lệ học sinh chưa biết đến bất kỳ một BLTQĐTD nào (12,4%).

Mặc dù tỷ lệ học sinh đã từng nghe về phòng tránh thai và BLTQĐTD tương đối cao, hiểu biết đúng về các nội dung cốt lõi vẫn còn hạn chế. Tỷ lệ học sinh đạt kiến thức tốt chỉ chiếm 47,6%, cho thấy còn khoảng cách giữa việc đã nghe và hiểu đúng. Kết quả này nhấn mạnh nhu cầu tăng cường truyền thông - giáo dục sức khỏe sinh sản, đặc biệt về vấn đề mang thai, song song với việc duy trì truyền thông về hậu quả và các biện pháp phòng tránh.

4.2. Thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục

Thái độ của học sinh đối với phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD) tương đối tích cực, với 83,6% đạt mức thái độ tích cực. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một tỷ lệ đáng kể giữ thái độ trung lập ở một số nội dung quan trọng. Cụ thể, **có** 54,2% học sinh đồng ý với quan điểm cần thường xuyên trao đổi về phòng tránh thai và **các** BLTQĐTD, trong khi vẫn còn 37,6% giữ thái độ trung lập. Tương tự, đối với quan điểm quan hệ tình dục ở tuổi vị thành niên là chưa phù hợp, 52,7% học sinh đồng ý, trong khi vẫn có 37,1% lựa chọn trung lập. Tỷ lệ trung lập trên 30% ở các nội dung này cho thấy việc trao đổi và định hướng quan điểm về sức khỏe sinh sản ở học sinh vẫn chưa thực sự rõ ràng và nhất quán.

Đối với vấn đề mang thai khi đang đi học, có 65,0% học sinh cho rằng đây là điều không phù hợp, phản ánh thái độ thận trọng đối với việc mang thai sớm. Việc sử dụng bao cao su cũng được phần lớn học sinh đồng thuận (72,6%), bên cạnh đó vẫn còn 8,5% chưa đồng ý. Điều này cho thấy vẫn tồn tại một bộ phận học sinh chưa hoàn toàn chấp nhận biện pháp này. Đáng chú ý, 91,1% học sinh đồng ý với quan điểm cần phát hiện và điều trị sớm các BLTQĐTD, phản ánh thái độ tích cực về tầm quan trọng của vấn đề.

Nghiên cứu của chúng tôi có một số hạn chế cần được xem xét khi diễn giải kết quả. Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang nên không cho phép xác định mối quan hệ nhân quả. Mặc dù sử dụng phương pháp chọn mẫu cụm theo lớp học, các phân tích trong nghiên cứu chủ yếu mang tính mô tả và chưa điều chỉnh hiệu ứng cụm, do đó kết quả cần được diễn giải thận trọng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang thực hiện trên 391 học sinh trường Trung học phổ thông Tân Lập, Hà Nội năm 2023 cho thấy

kiến thức của học sinh về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục (BLTQĐTD) còn hạn chế, trong khi thái độ đối với vấn đề này tương đối tích cực. Kết quả cũng cho thấy học sinh còn khoảng cách giữa đã nghe và hiểu đúng, đồng thời tồn tại tỷ lệ đáng kể lựa chọn trung lập ở một số nội dung quan trọng. Do đó, gia đình, nhà trường và cộng đồng cần phối hợp tăng cường truyền thông - giáo dục sức khỏe sinh sản, tập trung vào thời điểm dễ mang thai, qua đó nâng cao kiến thức, củng cố thái độ và góp phần phòng ngừa mang thai ngoài ý muốn cũng như các BLTQĐTD ở học sinh THPT.

6. TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Kiên NT và cộng sự. Thực trạng kiến thức, thái độ về phòng tránh thai và các bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh tại trường trung học phổ thông Phú Lương, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Tạp chí Y học Việt Nam. 2023;528. https://doi.org/10.51298/vmj.v528i1.5999.

[2] Bộ Y tế. Tăng cường chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục cho vị thành niên, thanh niên [Internet]. Cổng thông tin Bộ Y tế. 2020. https://moh.gov.vn/index.jsp?aid=139403&cid=8474&pageId=5803. Accessed February 3, 2026.

[3] Thanh NTP và cộng sự. Kiến thức, thái độ về các bệnh lây truyền qua đường tình dục của sinh viên đại học tại Hà Nội năm 2019. Tạp chí Nghiên cứu Y học. 2020;126(2):129–37. https://doi.org/10.52852/tcncyh.v126i2.1561.

[4] Inthavong K, et al. Knowledge of safe sex and sexually transmitted infections among high school students, Vientiane Prefecture, Lao PDR. Glob Health Action 2020;13:1785159. https://doi.org/10.1080/16549716.2020.1785159.

[5] Ngọc PT và cộng sự. Kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản vị thành niên và thực hành tình dục an toàn của học sinh trường Trung học phổ thông Phan Đăng Lưu, Thành phố Hải Phòng năm 2021. Tạp chí Y học dự phòng. 2022;32:158–65. https://doi.org/10.51403/0868-2836/2022/544.

[6] Hồ Thị Hà. Kiến thức, thái độ về sức khỏe sinh sản và một số yếu tố liên quan của học sinh trường trung học phổ thông Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An năm 2022. Luận văn Thạc sĩ Y học. Đại học Y Hà Nội, 2023.

[7] Tổng cục dân số - Kế hoạch hoá gia đình, Tổng cục Thống kê. Điều tra Quốc gia về Vị thành niên và Thanh niên Việt Nam (SAVY2) 2010.

[8] Minh NN. Kiến thức, thái độ, thực hành về tránh thai ở học sinh trung học. Tạp chí Phụ sản. 2018;15(4):63–68. https://doi.org/10.46755/vjog.2018.4.495. Accessed April 5, 2025.

[9] Hoa BTH và cộng sự. Kiến thức, thái độ, thực hành về bệnh lây truyền qua đường tình dục của học sinh phổ thông trung học tại thành phố Ninh Bình. Tạp chí Da liễu học Việt Nam. 2024;43:53–63. https://doi.org/10.56320/tcdlhvn.43.150.